

Số: 39/TB-HĐTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO

Về danh sách thí sinh đạt kết quả phỏng vấn Vòng 2 - Kỳ xét tuyển viên chức năm 2025 tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh

Căn cứ Quyết định số 4798/QĐ-SYT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Lê Văn Thịnh trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 3550/SYT-TCCB ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế về triển khai Hướng dẫn số 1397/HD-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3140/QĐ-BVLVT ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Lê Văn Thịnh về phê duyệt Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-BVLVT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Lê Văn Thịnh về công nhận kết quả phỏng vấn Vòng 2 – Kỳ xét tuyển viên chức năm 2025 tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh.

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo danh sách thí sinh đạt kết quả phỏng vấn Vòng 2 – Kỳ xét tuyển viên chức năm 2025 của Bệnh viện Lê Văn Thịnh đến các thí sinh được biết.

Thông báo này được niêm yết trên trang thông tin điện tử <https://benhvienlevanthinh.vn> và tại Bảng thông báo của Bệnh viện.

(Đính kèm danh sách thí sinh đạt kết quả phỏng vấn vòng 2 – Kỳ xét tuyển viên chức năm 2025 của Bệnh viện Lê Văn Thịnh).

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi Vòng 2 bằng hình thức thi phỏng vấn.

Trên đây là Thông báo kết quả phỏng vấn Vòng 2 – Kỳ xét tuyển viên chức năm 2025 tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Nơi nhận:

- BGĐ BV;
- Hội đồng và các Ban giúp việc;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, TCCB (Th -b).



**PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Phan Văn Đức**



DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÂN NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) VÒNG 2
- KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025 TẠI BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

(Theo Thông báo số 39 /TB-HĐTD ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
1	C01	Bùi Xuân Tiến Đạt	19/5/2001	Bác sĩ	Khoa Hồi sức tích cực - chống độc	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	Đạt	Hội trường C
2	C02	Đặng Nguyễn Trúc Hà	14/02/1997	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y khoa	0	Vắng	Hội trường C
3	C03	Dương Tấn Hoài	02/7/1996	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y Khoa	0	Đạt	Hội trường C
4	C04	Hà Quốc Thi	11/11/1992	Bác sĩ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
5	C05	Hoàng Thị Thúy Diễm	15/02/2000	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0	Đạt	Hội trường C
6	C06	Khuông Hồng Anh	03/9/1999	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	Đạt	Hội trường C
7	C07	Lê Đức Quyên	04/02/1998	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	Đạt	Hội trường C
8	C08	Lê Nguyễn Bảo Duy	12/02/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0	Đạt	Hội trường C
9	C09	Lê Trí Viễn	05/5/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
10	C10	Lương Nhật Quân	19/11/1997	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	Đạt	Hội trường C

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
11	C11	Lương Vĩnh Công Nghĩa	23/8/1996	Bác sĩ	Khoa Tai Mũi Họng	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
								Bác sĩ Nội trú	Tai Mũi Họng			
								CKI	Tai Mũi Họng			
12	C12	Lưu Nhật Quân	23/8/1999	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y Đa Khoa	0	Đạt	Hội trường C
13	C13	Nguyễn Diệu Linh	08/10/2000	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
14	C14	Nguyễn Hữu Nam	08/9/1998	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y khoa	0	Đạt	Hội trường C
15	C15	Nguyễn Thanh Liêm	03/7/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
16	C16	Nguyễn Thị Bích Duyên	18/9/1999	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
17	C17	Nguyễn Thị Cẩm Tú	10/7/1986	Bác sĩ	Khoa Y, Dược cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y học cổ truyền	0	Đạt	Hội trường C
								Thạc sĩ	Y học cổ truyền			
18	C18	Nguyễn Trần Quang	18/02/1999	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác Sĩ Đa Khoa	0	Đạt	Hội trường C
19	C19	Nguyễn Văn Sang	06/01/1995	Bác sĩ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y khoa	0	Đạt	Hội trường C
20	C20	Phạm Gia Đức	09/01/1997	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
21	C21	Phạm Lê Bửu	15/4/1997	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
22	C22	Phạm Thị Bình	09/6/1978	Bác sĩ	Khoa Y, Dược cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y học cổ truyền	0	Đạt	Hội trường C
								CKI	Y dược Cổ truyền			
23	C23	Phan Hữu Luân	19/3/1999	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
24	C24	Phan Thị Hoàng Trang	14/7/1996	Bác sĩ	Khoa Y, Dược cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y học cổ truyền	0	Đạt	Hội trường C
25	C25	Quách Trung Sinh	02/01/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
26	C26	Trần Ngọc Minh	13/3/1998	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	Vắng	Hội trường C
27	C27	Trần Võ Mai Thảo	31/5/1999	Bác sĩ	Khoa Thận nhân tạo	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
28	C28	Trần Vũ Tuấn	22/12/1999	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
29	C29	Trương Đan Thương	17/3/1998	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
30	C85	Trương Thúy Nga	01/10/1998	Bác sĩ	Khoa Thận nhân tạo	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
31	C30	Võ Minh Huy	05/9/1998	Bác sĩ	Khoa Thận nhân tạo	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
32	C31	Võ Nguyệt Hằng	01/5/1996	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
								Bác sĩ Nội trú	Nội khoa			
33	C32	Võ Thanh Minh	17/4/1974	Bác sĩ	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
								Thạc sĩ	Nội khoa			

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
34	C33	Võ Thị Bích Nguyệt	14/10/1997	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
35	C34	Võ Trương Quý	01/7/1982	Bác sĩ	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
								CKI	Truyền Nhiễm và các bệnh nhiệt đới			
								CKII	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			
36	C35	Đặng Thị Vân	08/11/2003	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	Không đạt	Hội trường C
37	C36	Hoàng Yến	18/01/2003	Điều dưỡng	Khoa Tai Mũi Họng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	Đạt	Hội trường C
38	C37	Lê Văn Thảo	21/01/1980	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Giảm mê hồi sức	0	Đạt	Hội trường C
39	C38	Lưu Như Thương	24/3/2001	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	Đạt	Hội trường C
40	C39	Nguyễn Thiện Như Ý	01/01/2003	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	Không đạt	Hội trường C
41	C40	Nguyễn Tú Trinh	07/11/2001	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	Đạt	Hội trường C
42	C41	Phạm Thị Thùy Linh	01/01/2001	Điều dưỡng	Khoa Thận nhân tạo	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	Không đạt	Hội trường C
43	C42	Phan Bích Nhung	01/01/1993	Điều dưỡng	Khoa khám bệnh theo yêu cầu	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	Không đạt	Hội trường C
44	C43	Trần Lộc Ân	28/10/1995	Điều dưỡng	Khoa Tai Mũi Họng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	Đạt	Hội trường C

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
45	C44	Trần Thị Mỹ Linh	07/7/1997	Điều dưỡng	Khoa Da Liễu	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	Đạt	Hội trường C
46	C45	Đinh Quốc Bảo	30/3/1997	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Quản lý và cung ứng thuốc	0	Đạt	Hội trường C
								Thạc sĩ/CKI	Dược lý - Dược lâm sàng			
47	C46	Huỳnh Thị Như Hương	06/8/2002	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Dược học	0	Đạt	Hội trường C
48	C47	Phạm Anh Khoa	19/6/1999	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Dược sĩ	0	Đạt	Hội trường C
49	C48	Trần Thị Năm	06/5/1986	Hộ sinh	Khoa Phụ sản	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh	0	Đạt	Hội trường C
50	C49	Đặng Võ Nguyên Phát	02/8/1994	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	0	Đạt	Hội trường C
51	C50	Hồ Thị Hồng Thi	06/6/2000	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Công nghệ sinh học	0	Đạt	Hội trường C
52	C51	Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh	11/9/2002	Kỹ thuật y	Khoa Hóa sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0	Đạt	Hội trường C
53	C52	Huỳnh Kim Nhung	21/12/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0	Đạt	Hội trường C
54	C53	Lý Ngọc Yến	26/10/1996	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	5	Đạt	Hội trường C
55	C54	Mai Trần Vy Hạ	15/01/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	Đạt	Hội trường C
56	C55	Nguyễn Anh Tú	27/9/1998	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh học	0	Đạt	Hội trường C

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
57	C56	Nguyễn Bảo Tiến	03/9/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục Hồi Chức Năng	0	Đạt	Hội trường C
58	C57	Nguyễn Gia Điền	14/10/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	0	Đạt	Hội trường C
59	C58	Nguyễn Khang	24/01/1984	Kỹ thuật y	Khoa Hóa sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Sinh hóa	0	Đạt	Hội trường C
60	C59	Nguyễn Tấn Phát	17/4/2002	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học	0	Đạt	Hội trường C
61	C60	Nguyễn Thị Hoàng Yến	24/4/2002	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ Thuật Hình Ảnh Y Học	0	Đạt	Hội trường C
62	C61	Nguyễn Thị Kim Ngân	26/01/1999	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	Đạt	Hội trường C
63	C62	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/02/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	0	Đạt	Hội trường C
64	C63	Nguyễn Thị Phi Quyên	10/8/1998	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0	Đạt	Hội trường C
65	C64	Nguyễn Văn Đền	27/01/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	0	Đạt	Hội trường C
66	C65	Phạm Ngọc Tâm Khuê	22/10/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Công nghệ sinh học	0	Đạt	Hội trường C
67	C66	Phạm Nguyễn Huy Vũ	01/01/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0	Đạt	Hội trường C
68	C67	Phan Khoa Ngọc Bích	02/9/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ Thuật Viên Xét Nghiệm Y Học	0	Không đạt	Hội trường C
69	C68	Phan Thị Thùy Trâm	29/8/1998	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	Đạt	Hội trường C

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
70	C69	Võ Nguyễn Khánh Ngân	27/10/2000	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	Đạt	Hội trường C
71	C70	Lê Thị Thanh Hương	08/01/1996	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Luật	0	Đạt	Hội trường C
								Thạc sĩ	Luật Kinh tế			
72	C71	Nguyễn Hồng Khánh Vân	30/9/2002	Chuyên viên về Tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công nghệ sinh học	0	Đạt	Hội trường C
73	C72	Nguyễn Ngọc Huyền Trâm	29/12/2001	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Quản trị hệ thống thông tin	0	Đạt	Hội trường C
74	C73	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	07/3/2000	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Luật học	0	Đạt	Hội trường C
75	C74	Nguyễn Quốc Toàn	28/7/1999	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm	0	Đạt	Hội trường C
76	C75	Nguyễn Thị Hạ Quyên	18/12/1983	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0	Đạt	Hội trường C
77	C76	Nguyễn Thị Nguyên	25/6/1995	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Giáo dục tiểu học	0	Đạt	Hội trường C
78	C77	Nguyễn Thị Thu Cúc	17/5/1974	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Quản lý hành chính nhà nước	0	Không đạt	Hội trường C
79	C78	Thái Thị Trang	16/12/1993	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	0	Không đạt	Hội trường C
80	C79	Thiều Tấn Đạt	29/10/1997	Chuyên viên về hành chính văn	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Kỹ sư CNKT Điện - Điện tử	0	Vắng	Hội trường C

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Kết quả phần thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
81	C80	Trần Anh Trà	27/9/1978	Chuyên viên về hành chính văn	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	0	Vắng	Hội trường C
82*	C81	Trần Lâm	17/11/1990	Chuyên viên về hành chính văn	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin	0	Đạt	Hội trường C
83	C82	Trần Minh Nhựt	24/4/2001	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước	0	Đạt	Hội trường C
84	C83	Trần Nguyễn Nhật Lam	26/11/2002	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công tác xã hội	0	Đạt	Hội trường C
85	C84	Trang Nguyễn Linh Ngọc	24/11/2002	Chuyên viên về Tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	0	Đạt	Hội trường C

**DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÒNG 2 -
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025 TẠI BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH**

(Đính kèm Thông báo số 39 /TB-HĐTD ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
1	C12	Lưu Nhật Quân	23/8/1999	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y Đa Khoa	0	80	80	80
2	C13	Nguyễn Diệu Linh	08/10/2000	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	60	60	60
3	C16	Nguyễn Thị Bích Duyên	18/9/1999	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	85	85	85
4	C18	Nguyễn Trần Quang	18/02/1999	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	84	84	84
5	C20	Phạm Gia Đức	09/01/1997	Bác sĩ	Khoa Cấp Cứu	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	90	90	90
6	C04	Hà Quốc Thi	11/11/1992	Bác sĩ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	75	75	75
7	C19	Nguyễn Văn Sang	06/01/1995	Bác sĩ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y khoa	0	34	34	34
8	C01	Bùi Xuân Tiến Đạt	19/5/2001	Bác sĩ	Khoa Hồi sức tích cực - chống độc	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	92	92	92
9	C14	Nguyễn Hữu Nam	08/9/1998	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y khoa	0	75	75	75
10	F02	Trần Văn Hào	21/01/1997	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	100	100	100
11	C28	Trần Vũ Tuấn	22/12/1999	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	60	60	60
12	C29	Trương Đan Thương	17/3/1998	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	80	80	80

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
13	C06	Khương Hồng Anh	03/9/1999	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	65	65	65
14	C23	Phan Hữu Luân	19/3/1999	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	86	85	85.5
15	C33	Võ Thị Bích Nguyệt	14/10/1997	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	93	93	93
16	C08	Lê Nguyễn Bảo Duy	12/02/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0	90	90	90
17	C15	Nguyễn Thanh Liêm	03/7/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	90	90	90
18	F01	Nguyễn Thị Kim Vui	02/12/1991	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	95	95	95
								Thạc sĩ	Thạc sĩ nội tổng quát				
19	C25	Quách Trung Sinh	02/01/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	50	45	47.5
20	C31	Võ Nguyệt Hằng	01/5/1996	Bác sĩ	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Đa khoa	0	90	90	90
								Bác sĩ Nội trú	Nội khoa				
21	C03	Dương Tấn Hoài	02/7/1996	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y Khoa	0	80	80	80
22	C05	Hoàng Thị Thúy Diễm	15/02/2000	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y khoa	0	90	90	90
23	C07	Lê Đức Quyền	04/02/1998	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	0	95	95	95
24	C09	Lê Trí Viễn	05/5/1999	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng Hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	90	90	90

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
25	C10	Lương Nhật Quân	19/11/1997	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	70	70	70
26	C21	Phạm Lê Bửu	15/4/1997	Bác sĩ	Khoa Nội Tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	96	94	95
27	C11	Lương Vĩnh Công Nghĩa	23/8/1996	Bác sĩ	Khoa Tai Mũi Họng	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	95	95	95
								Bác sĩ Nội trú	Tai Mũi Họng				
								CKI	Tai Mũi Họng				
28	C27	Trần Võ Mai Thảo	31/5/1999	Bác sĩ	Khoa Thận nhân tạo	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	95	95	95
29	C30	Võ Minh Huy	05/9/1998	Bác sĩ	Khoa Thận nhân tạo	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	90	90	90
30	C85	Trương Thúy Nga	01/10/1998	Bác sĩ	Khoa Thận nhân tạo	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	90	90	90
31	C17	Nguyễn Thị Cẩm Tú	10/7/1986	Bác sĩ	Khoa Y, Dược cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y học cổ truyền	0	55	56	55.5
								Thạc sĩ	Y học cổ truyền				
32	C22	Phạm Thị Bình	09/6/1978	Bác sĩ	Khoa Y, Dược cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y học cổ truyền	0	95	95	95
								CKI	Y dược Cổ truyền				
33	C24	Phan Thị Hoàng Trang	14/7/1996	Bác sĩ	Khoa Y, Dược cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y học cổ truyền	0	50	50	50

HANH
 B
 LÊ V
 PS

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
34	C32	Võ Thanh Minh	17/4/1974	Bác sĩ	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Y đa khoa	0	95	95	95
								Thạc sĩ	Nội khoa				
35	C34	Võ Trương Quý	01/7/1982	Bác sĩ	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	0	76	75	75.5
								CKI	Truyền Nhiễm và các bệnh nhiệt đới				
								CKII	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới				
36	F29	Mai Thị Thu Hương	03/01/1995	Cán sự về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Cán sự	01.004	Đại học	Quản lý nhà nước	0	40	40	40
37	F27	Nguyễn Mộc Uyển	29/7/1997	Cán sự về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Cán sự	01.004	Cao đẳng	Công tác xã hội	0	20	20	20
38	F28	Trịnh Thị Đài Trang	11/8/1992	Cán sự về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Cán sự	01.004	Cao đẳng	Quản trị văn phòng - chuyên ngành thư ký y khoa	0	98	99	98.5
39	C72	Nguyễn Ngọc Huyền Trâm	29/12/2001	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Quản trị hệ thống thông tin	0	45	45	45
40	C73	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	07/3/2000	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Luật học	0	20	20	20
41	C81	Trần Lâm	17/11/1990	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Phòng Hành chính quản trị	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin	0	97	98	97.5
42	C70	Lê Thị Thanh Hương	08/01/1996	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Luật	0	95	95	95
								Thạc sĩ	Luật Kinh tế				
43	C74	Nguyễn Quốc Toàn	28/7/1999	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm	0	90	90	90

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
44	C75	Nguyễn Thị Hạ Quyên	18/12/1983	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh	0	95.5	95	95.25
45	C82	Trần Minh Nhựt	24/4/2001	Chuyên viên về thống kê	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước	0	50	50	50
46	C71	Nguyễn Hồng Khánh Vân	30/9/2002	Chuyên viên về Tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công nghệ sinh học	0	98	98	98
47	C76	Nguyễn Thị Nguyên	25/6/1995	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Giáo dục tiểu học	0	24	23	23.5
48	C83	Trần Nguyễn Nhật Lam	26/11/2002	Chuyên viên về tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Công tác xã hội	0	30	30	30
49	C84	Trang Nguyễn Linh Ngọc	24/11/2002	Chuyên viên về Tổng hợp	Phòng Quản lý chất lượng	Chuyên viên	01.003	Đại học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	0	50	50	50
50	F05	Hồ Hiền Phi Yến	06/9/1999	Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Cao đẳng điều dưỡng	0	78	78	78
51	F07	Lê Thành Long	06/3/1990	Điều dưỡng	Khoa Cấp Cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	55	55	55
52	F15	Phạm Ngọc Diệu	29/10/2004	Điều dưỡng	Khoa Cấp Cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	62	62	62
53	F22	Vũ Kiều Bích Trâm	29/12/2000	Điều dưỡng	Khoa Cấp Cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng cao đẳng	0	55	55	55
54	F08	Lê Trúc Uyên	19/11/2001	Điều dưỡng	Khoa Cấp Cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng cao đẳng	0	Vắng	Vắng	Vắng
55	F10	Ngô Minh Vương	17/8/1992	Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều Dưỡng	0	70	70	70
56	C44	Trần Thị Mỹ Linh	07/7/1997	Điều dưỡng	Khoa Da Liễu	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	72	72	72
57	F04	Đào Thị Hoàng Thi	04/10/1991	Điều dưỡng	Khoa Da Liễu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều Dưỡng	0	80	80	80
58	F14	Nguyễn Thị Kim Thuý	10/7/1989	Điều dưỡng	Khoa Gây Mê Hô Hấp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	70	70	70

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
59	F19	Phan Thị Năm	01/10/1987	Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đại học	Điều dưỡng	0	67	67	67
60	F11	Ngô Tấn Thành	01/7/1978	Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Đại học	Điều dưỡng	0	86	85	85.5
61	F16	Phạm Quốc Việt	15/8/1991	Điều dưỡng	Khoa Ngoại Chấn thương	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	0	80	80	80
62	F13	Ngô Thị Thủy Trang	12/12/2002	Điều dưỡng	Khoa Nội hô hấp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	65	65	65
63	F09	Lộ Nữ Minh Trang	12/4/2004	Điều dưỡng	Khoa Nội Tim mạch - Lão học	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	80	80	80
64	F21	Trần Thị Thúy Anh	26/11/2002	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	55	55	55
65	C37	Lê Văn Thảo	21/01/1980	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	0	85	85	85
66	C38	Lưu Như Thương	24/3/2001	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	90	90	90
67	C40	Nguyễn Tú Trinh	07/11/2001	Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	0	75	75	75
68	C36	Hoàng Yến	18/01/2003	Điều dưỡng	Khoa Tai Mũi Họng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	75	75	75
69	C43	Trần Lộc Ân	28/10/1995	Điều dưỡng	Khoa Tai Mũi Họng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	0	50	50	50
70	F17	Phan Bích Trâm	23/11/2003	Điều dưỡng	Khoa Tai mũi họng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	70	70	70
71	F06	Hồ Quốc Việt	05/11/2003	Điều dưỡng	Khoa Thận nhân tạo	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	85	85	85
72	F12	Ngô Thị Thu Phương	03/6/1988	Điều dưỡng	Khoa Thận nhân tạo	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	0	70	70	70

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Đổi tượng ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
73	F18	Phan Gia Hân	17/4/1995	Điều dưỡng	Khoa Thận nhân tạo	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	60	60	60
74	F20	Trần Nguyễn Ngân Thương	10/5/1988	Điều dưỡng	Khoa Thận nhân tạo	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	0	60	60	60
75	F23	Khru Minh Đức	04/02/1983	Dược	Khoa Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng	Dược	0	90	91	90.5
76	F24	Nguyễn Thị Anh Thư	15/11/2004	Dược	Khoa Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng	Dược	0	10	10	10
77	C45	Đình Quốc Bảo	30/3/1997	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Quản lý và cung ứng thuốc	0	94	92	93
								Thạc sĩ/CKI	Dược lý - Dược lâm sàng				
78	C46	Huỳnh Thị Như Hương	06/8/2002	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Dược học	0	73	73	73
79	C47	Phạm Anh Khoa	19/6/1999	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Dược sĩ	0	94	92	93
80	F03	Tôn Nữ Thị Mỹ Linh	12/02/1999	Dược sĩ	Khoa Nội tổng hợp	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Đại học	Dược học	0	65	66	65.5
81	C48	Trần Thị Năm	06/5/1986	Hộ sinh	Khoa Phụ sản	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đại học	Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh	0	90	90	90
82	C55	Nguyễn Anh Tú	27/9/1998	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh học	0	40	40	40
83	C59	Nguyễn Tấn Phát	17/4/2002	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học	0	90	90	90
84	C60	Nguyễn Thị Hoàng Yến	24/4/2002	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ Thuật Hình Ảnh Y Học	0	60	60	60
85	C51	Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh	11/9/2002	Kỹ thuật y	Khoa Hóa sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	0	75	77	76



TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Đôi tượng ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
86	C58	Nguyễn Khang	24/01/1984	Kỹ thuật y	Khoa Hóa sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Sinh hóa	0	45	45	45
87	C53	Lý Ngọc Yến	26/10/1996	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	5	97	98	102.5
88	C54	Mai Trần Vy Hạ	15/01/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	89	91	90
89	C56	Nguyễn Bảo Tiến	03/9/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục Hồi Chức Năng	0	95	96	95.5
90	C57	Nguyễn Gia Điền	14/10/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	0	92	95	93.5
91	C61	Nguyễn Thị Kim Ngân	26/01/1999	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	92	95	93.5
92	C64	Nguyễn Văn Đến	27/01/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	0	85	80	82.5
93	C68	Phan Thị Thùy Trâm	29/8/1998	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	65	60	62.5
94	C69	Võ Nguyễn Khánh Ngân	27/10/2000	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	0	91	91	91
95	F25	Nguyễn Huy Hoàng	09/9/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng	Kĩ thuật Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	0	22	20	21
96	F26	Trần Thị Kim Liên	14/10/1996	Kỹ thuật y	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng	Kĩ thuật Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	0	94	95	94.5
97	C49	Đặng Võ Nguyên Phát	02/8/1994	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	0	65	65	65
98	C50	Hồ Thị Hồng Thi	06/6/2000	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Công nghệ sinh học	0	42	42	42
99	C52	Huỳnh Kim Nhung	21/12/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0	60	60	60

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng dự tuyển	Chức danh dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm trung bình
100	C62	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/02/2001	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	0	45	45	45
101	C63	Nguyễn Thị Phi Quyên	10/8/1998	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0	40	45	42.5
102	C65	Phạm Ngọc Tâm Khuê	22/10/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Công nghệ sinh học	0	70	72	71
103	C66	Phạm Nguyễn Huy Vũ	01/01/2002	Kỹ thuật y	Khoa Vi sinh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0	Vắng	Vắng	Vắng